

listening c15

Nữ nói trước, 0- Both, 1- Man, 2- Woman

Actor / Audition - 1200

Diễn viên đi thử vai, số báo danh 1200

Change in Workplace - 1201 (job & career)

12 năm cống hiến cho công việc nhưng 01 ai công nhận

Environment volunteer program - 0212

0 người nghỉ, 2 người nhặt, 1 người tưới, 2 người trồng

Internet - 0200

Tiền mạng internet 0 phải 200 mà là miễn phí

Urban Farming - 1020

Ông nông dân có 10 vợ và 20 người con

Art - 2101

Nghệ sĩ có 21 năm kinh nghiệm mà 0 vẽ được 1 bức tranh nào nên hồn

Community and teenagers / and young people with technology - 0021 (children)

0 điện thoại, 0 internet, 21 tuổi vẫn mù công nghệ

Homeschooling - 1220

12 năm học tại nhà, 20 năm học làm người

Information technology - 2110 (information)

Thế kỉ 21, dân IT gõ 10 ngón

Local culture different / Local festival / Local center - 2011

2 nền văn hoá, 0 điểm chung, 1 bán sắc riêng, 1 lễ hội riêng

Music and singer - 2010

Nữ ca sĩ sinh năm 2010

Politics - 0210

Chính trị 0 thể có 2 vua 1 nước nếu vậy 0 tồn tại được

Subject and beauty - 1202

1 chàng trai tán 2 cô gái đẹp 0 biết làm sao mà 2 người có bầu

University - 0121

Trường đại học 0 có 1 sinh viên nào trong 2 năm liền, 1 năm sau thì phá sản

Work business / business and cultural - 1022

1 công ty khởi nghiệp 0 có vốn ban đầu sau 2 năm mở được 2 chi nhánh

Community design building- 0120

Tôi 0 muốn thiết kế 1 ngôi nhà có 2 tầng nhưng 0 có ban công

Reading

MOUNTAIN SUBMIT

mountain → achievement → Publicity → mistake → Worrying → stability → relationships.

Leo núi thành tựu công khai mắc sai lầm lo lắng ổn định các mối quan hệ

Four-Day Workweek

out date → Benefits → Undesirable → challenges → Difficult → Unfair → solutions.

lỗi thời lợi ích không mong muốn thử thách khó khăn không công bằng cần giải pháp

Digital transformation (Tech Forward)

Redefining → productivity → digital skills → Over-reliance → risks → Building → development.

Định nghĩa lại năng suất kỹ năng số quá mức rủi ro xây dựng phát triển

Wellness trend

Redefining → Promoting mental → fitness → Overemphasis → misinformation → health communities → lifestyle changes.

Định nghĩa lại thúc đẩy sức khỏe tinh thần và thể chất quá mức sai lệch (mini) để xây dựng cộng đồng sức khỏe thay đổi cuộc sống

Women mathematicians

Mathematics → Computer → Space → Motion → Connecting → Diversity → Educational

Toán học máy tính vũ trụ chuyển động kết nối đa dạng giáo dục

Technology advances

Human-Technology → Intelligent Automation → Education → Digital Interfaces → Access to Technology → Building Innovative → Digital Solutions.

Con người thông minh tạo ra giáo dục đổi mới số tiếp cận để xây dựng kết quả số.

Cultural Exchange

Global → Festivals → Language → Overemphasis → Preservation → Building → Authentic.

Toàn cầu tổ chức lễ hội ngôn ngữ quá mức để bảo tồn và xây dựng sự thật

Urban Development

Sustainable → Urban Areas → Housing Projects → Buildings → Traffic Congestion → Community → Energy Source.

Bền vững khu đô thị dự án nhà ở xây dựng giao thông cộng đồng cho nguồn năng lượng

Digital innovation

Digital Age → Mobile Apps → Digital Literacy → Risks → Data Privacy → Online Communities → Prioritize.

Tuổi số tạo app điện thoại và kiến thức số gây nhiều rủi ro về dữ liệu riêng tư cộng đồng online để ưu tiên

Women mathematicians (phiên bản 2)

Obscured → Pioneering / Trailblazing → Unfairly → A long career → Labels → Gender balance → Disadvantage.

bị Lu mờ tiên phong nhưng ko công bằng dù có sự nghiệp lâu dài và bị gắn nhãn mác cần cân bằng giới và bất lợi

Mountain (Mountain summits) (phiên bản 2)

Changing definition → Unique feeling → Publicity → Wrong priority → Disturbing relevant → Sustainability → Intimate relationship.

Việc leo núi định nghĩa lại cảm giác công khai nhưng ưu tiên sai và tiêu cực đến tính bền vững và mối quan hệ

L 16 + 17

Topic: A break from studying

16.1. He wasn't ready to start higher education

16.2. To gain life experience

Câu nhớ: Nghỉ học vì **chưa sẵn sàng** và muốn có thêm **kinh nghiệm** sống

Topic: A book about a life of a scientist

17.1. It uses simple language to describe complex ideas

17.2. It is similar to the previous book about the scientist

Câu nhớ: Sách dùng **ngôn ngữ đơn giản** và **tương tự** sách trước

Topic: A book about a life of a scientist 2

17.1. It is exciting to read

17.2. It has been written for a general audience

Câu nhớ: Sách **hấp dẫn** và dành cho **độc giả phổ thông**.

Topic: The Sport

16.1. They have a harmful effect

16.2. It helps balance student's lives

Câu nhớ: Dù có **tác động xấu**, thể thao vẫn giúp **cân bằng cuộc sống**.

Topic: The Sport 2

16.1. Prepare students for a competitive work environment

16.2. Provides them with a balance in their lives

Câu nhớ: Thể thao giúp học sinh thích nghi với **môi trường cạnh tranh** và tạo **sự cân bằng**.

Topic: The Sport 3

16.1. They help promote students' overall health

16.2. It provides balance

Câu nhớ: Thể thao giúp **sức khỏe toàn diện** và **cân bằng**

Topic: Television series

17.1. It has the consistent quality throughout

17.2. Viewer habits influence the way that series are made

Câu nhớ: Phim có **chất lượng ổn định**, chịu ảnh hưởng bởi **thói quen khán giả**

Topic: Television series 2

17.1. It caught the audience's attention from the start

17.2. It can help reach new customers

Câu nhớ: Phim **thu hút từ đầu** và giúp tìm **khách hàng mới**

Topic: Television series 3

17.1. It failed to engage the audience from the start

17.2. Series are damaged by overexposure

Câu nhớ: Phim **không thu hút** và bị hại bởi **quảng bá quá mức**

Topic: Advertising and sponsoring (quảng cáo và tài trợ)

16.1. It can help reach new customers

16.2. They can generate negative publicity for the sport

Câu nhớ: Quảng cáo giúp có **khách hàng mới** nhưng có thể gây **dư luận tiêu cực**

Topic: Advertising and sponsoring 2

16.1. Series are damaged by overexposure

16.2. They can generate negative publicity for the sport

Câu nhớ: Quảng bá quá nhiều gây **dư luận tiêu cực**

Topic: Advertising and sponsoring 3

16.1. It helps to reach new customers

16.2. They are not always good for sports fans

Câu nhớ: Có **khách hàng mới** nhưng chưa chắc tốt cho **fan**

Topic: Famous writers

17.1. They both make references to each other in their work

17.2. The meaning of their work is not always easily identified

Câu nhớ: Hai nhà văn đều **nhắc đến nhau**, tác phẩm đôi khi **ko dễ hiểu**

Topic: A regional development plan (kế hoạch phát triển khu vực)

16.1. It doesn't do enough to promote alternatives to driving

16.2. The plan is not making efficient use of existing land

Câu nhớ: Kế hoạch **ít đầy đủ** và **chưa tận dụng đất hiệu quả**

Topic: A regional development plan 2

16.1. It doesn't provide enough alternatives to driving.

16.2. It is likely to meet resistance from local communities.

Câu nhớ: **Ít lựa chọn giao thông** nên dễ **gặp cộng đồng local**

Topic: Life after university

17.1. Be flexible and open minded

17.2. They are becoming more competitive

Câu nhớ: Sau đại học cần **linh hoạt và cởi mở** vì thị trường trở nên **cạnh tranh hơn**

Topic: Security cameras

16.1. Employees probably worry unnecessarily

16.2. People should feel reassured

Câu nhớ: Nhân viên **lo quá mức về camera**, thực ra mọi người nên **yên tâm**

Topic: A new novel of a famous writer

17.1. It is quite different compared to his previous works

17.2. He should listen to the critics before writing next novel

Câu nhớ: Tiểu thuyết **khác trước đây**, tác giả nên **nghe phê bình trước khi viết quyển mới**

Topic: Learning And Development

16.1. Effectively

16.2. Experiment

Câu nhớ: Muốn phát triển phải làm việc **hiệu quả** và **thử nghiệm**

Topic: Work And Books

- 16.1. It helps develop skills, contribute to society, and provide a sense of purpose
- 16.2. Growth in every area of a person's life

Câu nhớ: Công việc giúp **phát triển kỹ năng** và **lớn toàn diện**

Topic: The History Of Railways (Lịch sử ngành đường sắt)

- 16.1. Not making enough money
- 16.2. Continuing policies that had already been implemented

Câu nhớ: Đường sắt **ko đủ tiền** nhưng vẫn **tiếp tục chính sách cũ**

Topic: The Environment

- 16.1. Make a daily effort to recycle, reduce waste, and use energy carefully
- 16.2. They harm nature and cause problems like climate change and health issues

Câu nhớ: Tái chế hằng ngày để giảm **hại vấn đề môi trường**

Topic: A musician's life

- 16.1. He will probably retire from singing
- 16.2. He could have been more successful

Câu nhớ: Sắp **ng nghỉ hát**, đáng lẽ có thể **thành công hơn**

Topic: A new guide (hướng dẫn mới)

- 17.1. It creates a sense of adventure
- 17.2. It is only suitable for a particular generation

Câu nhớ: Hướng dẫn tạo cảm giác **phiêu lưu** chỉ phù hợp **một thế hệ**

Topic: A research into happiness

- 16.1. It has not been accurately reported by the media
- 16.2. The research is unlikely to find a conclusive answer

Câu nhớ: Truyền thông sai lệch, nghiên cứu không tìm ra câu trả lời cuối

Topic: Building Design

16.1. They associate with modern cityscapes

16.2. They often display a lack of ambition

Câu nhớ: Thiết kế mang tính đô thị hiện đại nhưng lack tham vọng

Topic: Criticism of the new novel (Phê bình về cuốn tiểu thuyết mới)

16.1. The characters were interesting

16.2. It will establish the author's popularity

Câu nhớ: Nhân vật thú vị giúp tác giả phổ biến hơn

Topic: Criticism of the new novel 2

16.1. The plot was very strong

16.2. It is very similar to the author's other books

Câu nhớ: Cốt truyện mạnh nhưng tương tự sách cũ

Topic: Criticism of the new novel 3

16.1. It lacks originality

16.2. They are difficult to relate to

Câu nhớ: Thiếu sáng tạo, khó đồng cảm

Topic: Writer's block (Bí ý tưởng khi viết)

16.1. Create dedicated periods

16.2. Refusing to seek the advice of other people

Câu nhớ: Tạo thời gian cố định, đừng từ chối lời khuyên

Topic: Professionalism at work (tính chuyên nghiệp trong cv)

16.1. Maintain the positive attitude

16.2. Change its definition

Câu nhớ: Thái độ tích cực, đôi khi cần thay đổi định nghĩa.

Topic: Making plans

16.1. They help you make decisions

16.2. It requires you to set yourself certain limits

Câu nhớ: Kế hoạch giúp ra quyết định và đặt giới hạn cho bản thân

Topic: A promotion campaign for a product (chiến dịch quảng bá sp)

16.1. It is making exaggerated claims

16.2. It costs too much to make to be profitable

Câu nhớ: Làm phóng đại nhưng chi phí cao

Topic: Script production

16.1. The characters' background are not adequately explored

16.2. The new industry demands have a negative influence

Câu nhớ: Không có chiều sâu nhân vật do ảnh hưởng tiêu cực của ngành

Topic: Script production 2

16.1. They seem unrealistic

16.2. It is negatively influencing script production

Câu nhớ: Nội dung không thực tế, gây ảnh hưởng tiêu cực

Topic: Script production 3

16.1. The dialogues seems unrealistic

16.2. The new industry demand is negatively influencing script production

Câu nhớ: Nội dung không thực tế, gây ảnh hưởng tiêu cực

Topic: Concentration (sự tập trung)

16.1. Concentration depends mostly on environment

16.2. People often fail to consider the limits of concentration

Câu nhớ: Tập trung phụ thuộc môi trường và thất bại cần nhắc giới hạn

Topic: Modern Society

16.1. Have something to say about modern society

16.2. The meanings are not easily identified

Câu nhớ: Tác phẩm nói về xã hội hiện đại nhưng ko dễ hiểu

Topic: Customers In Business

16.1. Because they provide steady money, influence others, and help improve services

16.2. Stay flexible, adapt to new demands, and keep improving

Câu nhớ: Khách hàng đem lại **tiền ổn định**, doanh nghiệp phải **linh hoạt thích nghi và nâng cấp**

Topic: Creating Motivation Within A Team (tạo động lực trong nhóm)

16.1. The team members lose confidence

16.2. Set a realistic goal

Câu nhớ: Nhóm **mất tự tin**, cần **mục tiêu thực tế**

Topic: Traveling

16.1. Because it brings him joy and chances to learn about different cultures

16.2. Both help people discover new worlds and grow as a person

Câu nhớ: Du lịch đem lại **niềm vui và học về văn hoá khác nhau**, giúp **khám phá và phát triển**

Topic: A new restaurant

16.1. The standard of service wasn't good

16.2. They need to make the customers feel valued and welcome

Câu nhớ: Dịch vụ ko tốt, cần làm khách hàng thấy được chào đón

Topic: Work from home

16.1. It wasn't as good as she expected

16.2. It depends on your situation and personality

Câu nhớ: Làm việc tại nhà **không** tốt như kỳ vọng, còn phụ thuộc **hoàn cảnh** và **tính cách**

Topic: Managing financial spending (quản lý chi tiêu tài chính)

- 16.1. Monitor your spending for a weekly plan
- 16.2. Seek advice from someone who have experience

Câu nhớ: Theo dõi chi tiêu hằng tuần, rồi hỏi người có kinh nghiệm

Topic: Managing financial spending 2

- 16.1. Organizing their resources more effectively
- 16.2. Get advice from people who have experience

Câu nhớ: Tổ chức nguồn lực hiệu quả hơn bằng cách hỏi người có kinh nghiệm

Topic: The importance of sleep

- 16.1. Blocking out noise and light is key
- 16.2. People can't always recognize the symptoms of tiredness

Câu nhớ: Muốn ngủ ngon phải **giảm tiếng ồn ánh sáng**, nhưng nhiều người **không nhận ra mình mệt**

Topic: The importance of sleep 2

- 16.1. Blocking out noise and light is key
- 16.2. The media overemphasize the subject

Câu nhớ: Giảm tiếng ồn ánh sáng, nhưng truyền thông hay **thổi phồng**

Topic: A book about a life of a scientist

- 16.1. It uses simple language to describe complex ideas
- 16.2. It is similar to the previous book about the scientist

Câu nhớ: Ngôn ngữ đơn giản, giống sách trước

Topic: Nutritionist (chuyên gia dinh dưỡng)

- 16.1. When she did a biology degree

16.2. After solving people's problems in a helpline

Câu nhớ: Khi bắt đầu từ **học sinh học**, sau đó giúp **tư vấn vấn đề** của mọi người

Topic: Cycling expedition (chuyến thám hiểm bằng xe đạp)

16.1. Be well informed of the places you are going to visit

16.2. Knowing the people and cultures in the different countries

Câu nhớ: Tìm hiểu địa điểm nơi sắp tới, rồi học về **con người và văn hóa**.

Topic: Viral Video

16.1. Its production techniques

16.2. They should be released at the right time

Câu nhớ: Viral nhờ **kỹ thuật sản xuất** và **đăng đúng lúc**

Topic: Business Strategy (chiến lược kinh doanh)

16.1. It helps the company focus its resources and avoid wasting time on low-demand areas

16.2. It proves the company can cover costs and create opportunities for future growth

Câu nhớ: Tập trung nguồn lực và tránh lãng phí để giảm chi phí và phát triển

Topic: The Music Industry (new)

16.1. Belief in her musical instincts

16.2. Performers find it difficult to start their careers

Câu nhớ: Cần tin vào bản thân vì ngành này **khó khởi nghiệp**

Topic: Productivity (new) (năng suất làm việc)

16.1. By managing time effectively

16.2. Using them effectively requires effort

Câu nhớ: Năng suất đến từ **quản lý thời gian** và **sử dụng hiệu quả** phải nỗ lực

Topic: A Book Critic Talks About A Biography (new)

16.1. The book describes a particular historical period very effectively

16.2. It is an unconventional biography

Câu nhớ: Mô tả lịch sử rất hiệu quả, là một tiểu sử ko theo truyền thống

Topic: Podcasting (new)

16.1. Content creators do not promote their shows

16.2. It is a great way to build a community

Câu nhớ: Dù không làm content, podcast vẫn là cách tốt để xây dựng cộng đồng

S part4

KHUNG CỐ ĐỊNH

That's an interesting topic. I haven't really thought about it before, but I'll try to organize my ideas and give you the best answer I can.

Regarding the first question, I'd like to talk about a time when I [câu hỏi 1]

Turning to the second question, I'd like to answer the question about [câu hỏi 2]. To be honest, I felt...

Finally, I'd like to move on to the last question, which is: [câu hỏi 3].

That's all for my answer. I hope I managed to cover the main points and express my ideas clearly. Thank you.

CÂU HỎI 1

Chuyện 1: Dự án công việc (Dùng cho: Làm nhóm / Thử thách / Nỗ lực / Đạt mục tiêu / Bận rộn / Học cái mới)

Last year, my department was assigned a big project, and I worked with both experienced colleagues and some younger students. At first, it wasn't easy because we had different opinions and working styles. My responsibility was to design the posters, but I had never done that before. As a result, I had to learn some new design skills in a short time. The project was quite challenging, and I was busy for several weeks. Fortunately, we worked well together, completed the project on time, and successfully achieved our goal.

Năm ngoái, phòng ban của tôi được giao một dự án lớn, và tôi đã làm việc cùng với các đồng nghiệp giàu kinh nghiệm và một số bạn sinh viên trẻ. Ban đầu, mọi thứ không hề dễ dàng vì chúng tôi có những quan điểm và cách làm việc khác nhau. Nhiệm vụ của tôi là thiết kế các poster, nhưng trước đó tôi chưa từng làm việc này. Vì vậy, tôi phải nhanh chóng học một số kỹ năng thiết kế mới trong thời gian ngắn. Dự án khá thử thách và tôi đã rất bận trong vài tuần. May mắn là cả nhóm đã phối hợp tốt với nhau, hoàn thành dự án đúng thời hạn và đạt được mục tiêu một cách thành công.

Chuyện 2: Chuyến du lịch (Dùng cho: Đi thành phố mới / Công viên / Thăm bạn / Nhận quà / Đọc sách)

A few months ago, I took a short trip to Ninh Binh with two of my close friends. None of us had been there before, so everything felt new and exciting. We visited several famous places, took lots of photos, and enjoyed the beautiful scenery together. On the last day, we stopped by a local market to buy some souvenirs. One of my friends even bought me a small handmade keychain as a gift. On the way home, I started reading a travel magazine that I had bought during the trip, and it inspired me to visit more places in the future.

Vài tháng trước, tôi có một chuyến du lịch ngắn đến Ninh Bình cùng hai người bạn thân. Không ai trong chúng tôi từng đến đó trước đây, vì vậy mọi thứ đều rất mới mẻ và thú vị. Chúng tôi tham quan nhiều địa điểm nổi tiếng, chụp rất nhiều ảnh và cùng nhau ngắm cảnh đẹp. Vào ngày cuối cùng, chúng tôi ghé một khu chợ địa phương để mua quà lưu niệm. Một người bạn còn tặng tôi một chiếc móc khóa thủ công nhỏ làm quà. Trên đường về, tôi đọc một cuốn tạp chí du lịch mà mình mua trong chuyến đi, và nó khiến tôi có thêm động lực để khám phá nhiều nơi hơn trong tương lai.

Chuyện 3: Giúp người trên đường (Dùng cho: Giúp đỡ người khác / Được giúp / Gặp người mất lịch sự)

One afternoon, I was walking home when I noticed an elderly woman carrying several heavy shopping bags. She looked tired and seemed to be struggling, so I offered to help her carry the bags to her apartment nearby. She was very grateful and thanked me with a warm smile. However, while we were walking, a man riding a bicycle almost hit us because he was looking at his phone instead of paying attention to the road. It was quite frightening, but fortunately, nothing serious happened. The woman thanked me again before we said goodbye.

Một buổi chiều, trên đường về nhà, tôi nhìn thấy một người phụ nữ lớn tuổi đang xách rất nhiều túi đồ nặng. Bà ấy trông khá mệt và có vẻ đang rất vất vả, vì vậy tôi đề nghị giúp bà mang đồ lên căn hộ ở gần đó. Bà rất biết ơn và cảm ơn tôi bằng một nụ cười thật ấm áp. Tuy nhiên, khi chúng tôi đang đi, một người đàn ông đi xe đạp suýt va vào cả hai vì anh ấy mãi nhìn điện thoại thay vì chú ý đường. Khoảnh khắc đó khá đáng sợ, nhưng may mắn là không có chuyện gì nghiêm trọng xảy ra. Trước khi chia tay, bà ấy cảm ơn tôi một lần nữa, và tôi cảm thấy rất vui vì đã có thể giúp được ai đó trong ngày hôm đó.

Chuyện 4: Kỳ thi & Máy tính (Dùng cho: Có nhiều lựa chọn / Tiết kiệm tiền / Mua đồ mình muốn)

A few years ago, I had to choose between several internship opportunities. It wasn't an easy decision because each one had its own advantages. After thinking carefully, I chose the company that offered the best learning environment, even though the salary was lower. To prepare for my internship, I wanted to buy a tablet for taking notes and reading documents, but it was quite expensive. So, I saved money for a few months by spending less on unnecessary things. In the end, I bought the tablet I wanted, and it was really helpful during my internship.

Vài năm trước, tôi phải lựa chọn giữa một số cơ hội thực tập. Đó không phải là một quyết định dễ dàng vì mỗi nơi đều có những ưu điểm riêng. Sau khi cân nhắc kỹ, tôi chọn công ty có môi trường học hỏi tốt nhất, mặc dù mức lương thấp hơn. Để chuẩn bị cho kỳ thực tập, tôi muốn mua một chiếc máy tính bảng để ghi chú và đọc tài liệu, nhưng nó khá đắt. Vì vậy, tôi đã tiết kiệm tiền trong vài tháng bằng cách cắt giảm những khoản chi không cần thiết. Cuối cùng, tôi đã mua được chiếc máy tính bảng mình mong muốn, và nó thực sự rất hữu ích trong suốt thời gian thực tập.

CÂU HỎI 2

Công thức CX1: Tích cực toàn tập (Dùng cho: Nhận quà, Đi chơi, Thăm bạn, Đạt mục tiêu)

To be honest, I felt over the moon and **extremely** excited. I couldn't stop smiling because everything turned out even better than I had expected. It was definitely one of the happiest and most memorable experiences I've ever had.

...cực kỳ hạnh phúc và vô cùng phấn khích. Tôi không thể ngừng cười vì mọi thứ còn diễn ra tốt đẹp hơn cả mong đợi. Đó chắc chắn là một trong những trải nghiệm hạnh phúc và đáng nhớ nhất mà tôi từng có.

Công thức CX2: Từ lo lắng đến tự hào (Dùng cho: Thử thách, Học cái mới, Bận rộn, Thi cử)

To be honest, I felt mixed emotions. At first, I felt quite nervous because I had never faced a situation like that before. I wasn't sure whether I could handle it well. However, after everything was over, I felt really proud of myself because I had stepped out of my comfort zone and successfully overcame the challenge.

...có nhiều cảm xúc lẫn lộn. Ban đầu, tôi khá lo lắng vì chưa bao giờ phải đối mặt với tình huống như vậy trước đây. Tôi không chắc liệu mình có thể xử lý tốt hay không. Tuy nhiên, sau khi mọi chuyện kết thúc, tôi thực sự tự hào về bản thân vì đã bước ra khỏi vùng an toàn và vượt qua thử thách đó thành công.

Công thức CX3: Từ buồn bã đến có động lực (Dùng cho: Gặp rắc rối, Gặp người mất lịch sự)

To be honest, I felt quite upset and disappointed. At that moment, I couldn't understand why it had happened to me. However, after thinking about it carefully, I realized that every difficult experience teaches us something valuable. It motivated me to stay positive, learn from my mistakes, and become a stronger person.

...khá buồn và thất vọng. Lúc đó, tôi không hiểu tại sao chuyện đó lại xảy ra với mình. Tuy nhiên, sau khi suy nghĩ kỹ, tôi nhận ra rằng mỗi trải nghiệm khó khăn đều dạy cho chúng ta một bài học quý giá. Điều đó đã thúc đẩy tôi giữ thái độ tích cực, học hỏi từ những sai lầm và trở thành một người mạnh mẽ hơn.

CÂU HỎI 3

Hướng C3A: Nếu đề hỏi Lý do, Lợi ích, Cách làm (Có chữ Why...? / What...?)

In my opinion, there are several reasons for this. First of all, on a personal level, it can help people improve their quality of life, develop useful skills, or reduce stress. In addition, on a social level, it gives people more opportunities to build strong relationships and contribute positively to their community. Overall, I believe these are the main reasons why it is important.

Theo tôi, có một số lý do cho điều này. Trước hết, ở góc độ cá nhân, nó có thể giúp mọi người cải thiện chất lượng cuộc sống, phát triển những kỹ năng hữu ích hoặc giảm căng thẳng. Ngoài ra, ở góc độ xã hội, nó mang lại cho mọi người nhiều cơ hội hơn để xây dựng các mối quan hệ bền chặt và đóng góp tích cực cho cộng đồng. Nhìn chung, tôi tin rằng đó là những lý do chính khiến điều này trở nên quan trọng.

Hướng C3B: Nếu đề hỏi Nên/Không nên, Đồng ý/Không đồng ý (Có chữ Should...? / Agree...?)

In my opinion, I completely agree with this idea for several reasons. First of all, it can bring many benefits to individuals, such as improving their quality of life and helping them make better decisions. Moreover, it also has positive effects on society by creating a safer and more supportive environment. Overall, I believe this is the right approach.

Theo tôi, tôi hoàn toàn đồng ý với quan điểm này vì nhiều lý do. Trước hết, điều đó có thể mang lại nhiều lợi ích cho mỗi cá nhân, chẳng hạn như cải thiện chất lượng cuộc sống và giúp họ đưa ra những quyết định tốt hơn. Hơn nữa, nó cũng có những tác động tích cực đến xã hội bằng cách tạo ra một môi trường an toàn và gắn kết hơn. Nhìn chung, tôi tin rằng đây là một hướng đi đúng đắn.

LẮP RÁP

Nếu từ khóa của đề hỏi về...	Câu 1: Chọn Chuyện	Câu 2: Chọn Cảm xúc	Câu 3: Chọn Hướng
Work, Teamwork, Challenge, Goal	Chuyện 1 (Dự án)	CX2 (Lo → Tự hào)	Tùy câu hỏi chọn C3A / C3B
Travel, Friends, Gift, Leisure	Chuyện 2 (Du lịch)	CX1 (Vui vẻ)	Tùy câu hỏi chọn C3A / C3B
Helping, Social, Rude person	Chuyện 3 (Giúp người)	CX3 (Buồn → Động lực)	Tùy câu hỏi chọn C3A / C3B

Exam, Money, Choices, Buying	Chuyện 4 (Thi đại học)	CX2 (Lo → Tự hào)	Tùy câu hỏi chọn C3A / C3B
---------------------------------	-------------------------------	--------------------------	--------------------------------------

S part 2-3

PART 2

CÂU 1: MIÊU TẢ TRANH (45 giây)

In the picture, I can see [number of people / who] at/in [place]. I think they are [family members / friends / classmates / colleagues] because they seem to be enjoying their time together. They are [V-ing], and they are wearing [casual / formal / warm / sports] clothes. They all look [happy / relaxed / focused / excited], and some of them are smiling. In the background, I can see [trees / buildings / furniture / other objects], which makes the picture look more lively. Overall, I really like this picture because it gives me a warm, peaceful, and positive feeling.

CÂU 2: KỂ VỀ TRẢI NGHIỆM QUÁ KHỨ (45 giây)

As far as I can remember, [last month / a few years ago / last summer], I [V-ed] with my [friends / family / classmates]. We went to [place] and spent a few hours [V-ing] together. During that time, we talked, took some photos, and enjoyed ourselves. Everything went smoothly, and we had a wonderful time together. It was a really memorable experience because it helped me relax, strengthen our relationship, and create many unforgettable memories.

CÂU 3: CÂU HỎI MỞ RỘNG / QUAN ĐIỂM (45 giây)

In my opinion, there are several reasons for this. First of all, it can bring many benefits to individuals, such as improving their quality of life, developing useful skills, or reducing stress. In addition, it also has positive effects on society because it encourages people to build stronger relationships. For example, people can learn new things, become more confident, and create meaningful experiences. Overall, I believe that's why it is becoming more and more popular nowadays.

PART 3

CÂU 1: MÔ TẢ & SO SÁNH TRANH (45 Giây)

Both pictures are about [topic], but they show different situations. In the first picture, I can see [who/what] [V-ing]. The atmosphere looks [peaceful / busy / lively / relaxing]. In contrast, the second picture shows [who/what] [V-ing]. It seems much [modern / crowded / quiet / exciting]. Overall, the biggest difference is that the first picture is [adjective], whereas the second one is [adjective].

CÂU 2: LỰA CHỌN SỜ THÍCH / LỢI ÍCH

In my opinion, I prefer [A] for a couple of reasons. First of all, it is convenient and enjoyable , which helps me save time and save money. In addition, it gives me more opportunities to

relax / make friends / gain valuable experience / become more confident]. That's why I think it is the better choice.

CÂU 3: GIẢI THÍCH NGUYÊN NHÂN / XU HƯỚNG

There are several reasons for this. First of all, people nowadays are looking for more convenient and effective ways to improve their daily lives. As a result, they tend to choose options that save time, reduce stress, or make life easier. Another reason is that people have different needs and lifestyles, so they often make choices that best suit their personal situations. Overall, I believe these are the main reasons why it is important.

W part 4

SUGGESTION

Hi Linh,

I hope everything is going well with you!

I was [absolutely over the moon] when I heard that our club was seeking suggestions to [đề bài], and I could not wait to share my ideas. Personally, I was thinking that [ý kiến].

What do you think?

If you have any creative ideas, I would love to hear them!

Take care,

Thu Ha.

Dear Club President,

My name is Thu Ha Pham, and as a core member of the club's [tên club] for the past three years, I am writing in response to the recent announcement regarding [topic] / I am writing to share some suggestions for the upcoming [topic] organized by our club. Since this is meant for different groups of people, I believe the event should be well-organized and accessible.

After giving it some thought, I would like to put forward two recommendations. To begin with, [Suggestion 1]. This would [benefit 1].

In addition, [Suggestion 2]. As a result, [benefit 2].

Thank you for taking the time to consider my suggestions. I hope these ideas will be taken into consideration and contribute to the future development of our club. If needed, I would be more than willing to support the club in any way possible

Sincerely,

Thu Ha.

Thank you for taking the time to consider my suggestions. I hope these ideas will be taken into consideration and contribute to the future development of our club. If needed, I would be more than willing to support the club in any way possible.

Thank you for taking the time to consider my suggestions. I hope these ideas will be taken into consideration and contribute to the future development of our club. If needed, I would be more than willing to support the club in any way possible.